

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023”**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG  
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2023**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG  
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6**

**CƠ QUAN THỰC HIỆN**  
**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

*ThS Vũ Quốc Chính*

**Thông tin chung**

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023” do Tổng cục Thủy lợi quản lý, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện năm 2023. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/ tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo chất lượng nước theo tuần tại các vị trí lấy mẫu quan trắc theo các chỉ tiêu DO, BOD<sub>5</sub> và NH<sub>4</sub><sup>+</sup>. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ <https://chatluongnuoc.tongcucthuyloi.gov.vn> và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 6 lấy mẫu ngày 19/4/2023. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

**Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2023**

## BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6

**1. Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023.

**2. Ngày quan trắc:** 19/4/2023

**Ngày cung cấp thông tin:** 20/4/2023

**3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:**

- Mẫu lấy ngày 10/04/2022 vào thời kỳ tưới dưỡng lúa vụ Chiêm Xuân, cấp nước tưới cho hoa màu và nuôi trồng thủy sản (1/3 đến 3/5/2022); theo quy trình điều hành hệ thống: Xuân Quan không chế hạ lưu: 180 – 240 cm; Kênh Cầu không chế thượng lưu: 160 – 220 cm; Bá Thủy không chế thượng lưu: 130 – 170 cm; Neo không chế thượng lưu: 120 – 160 cm; Cầu Xe, An Thổ không chế thượng lưu: 80 – 100 cm hoặc lấy nước ngược; Ấu Cầu Cát phục vụ giao thông thủy hoặc lấy nước ngược.

- Thời điểm lấy ô nhiễm trên sông Kim Sơn vẫn đang trong tình trạng ô nhiễm từ Kênh Cầu đến cầu Cậy. Hoạt động của các công trình đầu mối và các công tiêu như sau: Công Xuân Quan mở, lấy nước vào hệ thống; Kênh Cầu, Ấu Lục Điền mở thông; công Tranh đóng kín không chế nước ô nhiễm sông Kim Sơn chảy vào sông Tây Kê Sặt; Neo, Bá Thủy đóng kín trữ nước thượng lưu; Ấu Cầu Cát, An Thổ, Cầu Xe đóng kín chờ triều lấy nước ngược. Các công tiêu Xuân Thụy – đang thi công hoàn thiện, mở 2 cửa công mới, Ngọc Lâm – đang bao bờ thi công xây dựng công mới, tiêu nước qua TB khi có nhu cầu; Ngọc Đà, Bình Lâu mở thông, Phần Hà mở đáy tiêu nước thải ra ra sông ngoài.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 (Có danh sách kèm theo)

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

**Người cung cấp thông tin:** ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 6 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A<sub>1</sub> và B<sub>1</sub>)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
1	BHH 1	Công Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH	- Công mở dòng chảy yếu. Mục nước TL = 132cm; HL = 131cm;	25,3	7,34	5,6	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			- Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	- Nước có màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.				- Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	- Kiểm tra nước sông Cầu Bâ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	- Cống mở thông 2 cửa, dòng chảy trung bình. Mục nước TL = 144 cm; HL = 139 cm; - Nước có màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải. Khi nhập lưu sông với sông Kim Sơn tạo 2 mảng màu đen – xám rõ rệt.	26,3	7,34	1,3	- DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS. - Lấy nước thay thế trong khu vực qua các trạm bơm từ nguồn sông Kim Sơn và sông ngoài. - Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước có màu đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải nổi trên sông.	26,3	7,33	2,4	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Tạm dừng lấy nước qua TB Như Quỳnh. Bổ sung nước thay thế trong khu vực qua trạm bơm Phú Mỹ từ nguồn nước sông Đuống
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng	- Cống mở thông, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= HL = 139 cm; - Nước màu đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải.	26,3	7,33	2,3	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đĩnh Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo				nước cho NTTS. - Tăng cường lấy nước qua Xuân Quan và gạn tháo, thay nước.	
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đĩnh Dù.</li> <li>- Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống mở thông 2 cửa, dòng chảy trung bình.</li> <li>- Nước có màu đen, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cống, nổi nhiều bọt trắng thành đồng lớn.</li> </ul>	26,3	7,33	1,4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được.</li> <li>- Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS;</li> <li>- Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đĩnh Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN</li> </ul>
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đang bao kè thi công xây dựng cống mới. Mặt nước tĩnh không có dòng chảy.</li> <li>- Nước màu đen, mùi hôi, nhiều rác thải và có cá ngơ nổi.</li> </ul>	25,7	7,24	2,7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.</li> </ul>
7	BHH7	Cống Phần Hà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Núi, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống mở tiêu nước thải ra sông ngoài, dòng chảy yếu.</li> <li>- Nước màu đen kịt, mùi hôi thối, nhiều rác thải trước cống.</li> </ul>	27,0	7,34	1,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được.</li> <li>- Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS;</li> <li>- Không nên mở cống Phần Hà ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN</li> </ul>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).					
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 134 cm; HL= 131 cm.</li> <li>- Nước màu xanh lục, không có mùi lạ. Không có rác thải.</li> </ul>	26,1	7,31	3,8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngớ nổi đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.</li> </ul>
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy.</li> <li>- Nước màu đen kịt, mùi hôi thối, không có rác thải</li> </ul>	26,6	7,31	1,4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS, cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được.</li> <li>- Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS;</li> <li>- Không nên mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;</li> </ul>
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 137, HL= 118 cm.</li> <li>- Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải.</li> </ul>	25,8	7,32	5,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.</li> <li>- Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.</li> </ul>
11	BHH11	Cổng	Kiểm tra nước sông An Thổ	- Cống đóng, mặt nước tĩnh,	26,1	7,35	4,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		An Thổ	cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	không có dòng chảy. Mục nước TL= 122 cm; HL= -6 cm - Nước màu xanh nhạt, trên mặt có váng dầu, mùi hôi của dầu, không rác thải.				SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 123 cm; HL= -5 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	27,7	7,34	5,6	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
13	BHH13	Cống Lực Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= HL = 138 cm. - Nước màu đen kịt, mùi hôi thối. Nhiều rác thải.	26,1	7,33	1,6	- DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Đóng cống Lực Điền để hạn chế nước ô nhiễm từ sông Kim Sơn lan truyền sang sông Cửu An.
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và	- Dòng chảy yếu hướng ra sông Cửu An. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	27,1	7,40	3,7	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngờ nổi đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			nước tiêu SXNN.				học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.	
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng đóng trữ nước thượng lưu, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 131 cm; HL = 124cm; - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	26,9	7,38	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1</b>				-	-	<b>6,0-8,5</b>	<b>≥6</b>	-
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1</b>				-	-	<b>5,5-9,0</b>	<b>≥4</b>	-

**Ghi chú:** QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;